TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày 22-9-2023
"V/v *tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Quý với ông Tú, bà Lới và anh Quyết*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Gia Khải

2.Ông Đào Duy Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST–DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXX -DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 23A/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1950

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Văn T (Đỗ Xuân T1), sinh năm 1964

Bà Ngô Thị L, sinh năm 1959

Anh Đỗ Mạnh Q1, sinh năm 1992

Cùng nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt ông Q; văng mặt ông T1, bà L và anh Q1)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q trình bày:

Ông và gia đình ông Đỗ Xuân T1 là hàng xóm. Vào ngày 07/3/2014 tức ngày 07/02/2014 (âm lịch), ông có cho vợ chồng ông Đỗ Xuân T1, bà Ngô Thị

L và anh Đỗ Xuân Q2 (anh Q2 là con trai ông T1, bà L) vay số tiền 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Có viết giấy biên nhận, ông T1, bà L và anh Q2 cùng ký tên vào giấy vay tiền.

Mục đích vay: để anh Q2 đi du học ở Nhật Bản, thời hạn vay: 03 năm nhưng không ghi vào giấy biên nhận, lãi suất 1,2%/ tháng, một tháng trả lãi một lần, bắt đầu tính lãi từ ngày 08/3/2014 tức ngày 08/02/2014 (âm lịch).

Quá trình trả nợ: Mặc dù trong giấy vay tiền thể hiện một tháng trả lãi một lần nhưng thực tế một năm ông T1 trả lãi một lần. Ông T1 đã trả ông được số tiền gốc là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), ông không nhớ thời gian trả cụ thể. Bắt đầu từ tháng 4/2022 (dương lịch) tức tháng 3/2022 (âm lịch) đến nay, ông T1, bà L và anh Q2 không trả khoản tiền lãi cũng như khoản tiền gốc nào cho ông nữa. Mặc dù ông đã đòi nhiều lần nhưng ông T1, bà L và anh Q2 vẫn không trả cho ông khoản tiền nào.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T1, bà L và anh Q2 phải trả cho ông khoản tiền gốc còn lại chưa trả là 100.000.000 đồng và tiền lãi 1,2%/tháng từ ngày 08/4/2022 (dương lịch) tức ngày 07/3/2022 (âm lịch) đến nay và phải trả một lần.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Đỗ Văn T, bà Ngô Thị L và trình bày:

Gia đình ông là hàng xóm của gia đình ông Nguyễn Xuân Q. Ông bà là vợ chồng, anh Đỗ Mạnh Q1 là con trai ông bà. Ông bà xác nhận: Số tiền vay, thời gian vay, mục đích vay, lãi suất cũng như số tiền vay đã trả của ông Q. Khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền, ông, bà và anh Q1 cùng nhau ký vào giấy biên nhận vay tiền. Ông bà xác nhận đã trả được cho ông Q số tiền gốc 30.000.000 đồng. Từ ngày 08/4/2022 (dương lịch) tức ngày 08/3/2022 (âm lịch) đến nay ông, bà và anh Q1 không trả cho ông Q thêm khoản tiền nào nữa. Ông, bà và anh Q1 xác định đây là trách nhiệm trả nợ chung của ông, bà cùng với anh Q1.

Nay ông Q yêu cầu vợ chồng ông bà và anh Q1 trả số tiền vay gốc còn lại 100.000.000 đồng và lãi suất 1,2%/tháng tình từ 08/4/2022 (dương lịch) tức ngày 07/3/2022 (âm lịch), ông bà nhất trí. Do điều kiện kinh tế của ông bà và anh Q1 rất khó khăn nên ông bà đề nghị ông Q cho ông bà và anh Q1 một thời gian nữa để sắp xếp và trả ông Q sau.

Tại bản tự khai bị đơn anh Đỗ Mạnh Q1 trình bày: Anh là con trai của ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị L. Anh xác nhận số tiền vay của ông Nguyễn Xuân Q, thời gian vay, lãi suất, số tiền đã trả như ông T, bà L đã trình bày. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu gia đình anh trả số nợ gốc còn lại cũng như tiền lãi suất, anh đồng ý nhưng sẽ sắp xếp trả ông Q trong thời gian sớm nhất phù hợp với khả năng kinh tế của gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định

của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 688, 116, 117, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 9 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Q: Buộc ông Đỗ Văn T, bà Ngô Thị L và anh Đỗ Mạnh Q1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân Q số tiền vay còn lại chưa trả 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 1,2% của tiền gốc 100.000.000 đồng tính từ ngày 08/4/2022 đến nay tương ứng là 17 tháng 14 ngày, với số tiền lãi là 20.960.000 đồng. Tổng cộng ông T, bà L và anh Q1 phải trả cho ông Q là 120.960.000 đồng.

Ông T và anh Q1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Xuân Q khởi kiện khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn T, bà Ngô Thị L và anh Đỗ Mạnh Q1 trả tiền vay còn lại chưa trả và lãi suất của khoản tiền này, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông T, bà L và anh Q1 có nơi cư trú thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T, bà L và anh Q1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân Q khởi kiện ông Đỗ Xuân T1, bà Ngô Thị L và anh Đỗ Mạnh Q1 trả số tiền gốc của khoản tiền vay còn lại chưa trả 100.000.000 đồng và lãi suất 1,2%/tháng của khoản tiền gốc 100.000.000 đồng từ ngày 08/4/2022 đến nay. Ông T1, bà L và anh Q cũng đồng ý. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc vay tiền của ông T1, bà L và anh Q1 cũng như việc cho vay tiền của ông Q tự nguyện. Theo giấy vay tiền ngày 7/2/2014 (âm lịch) thể hiện: ông Đỗ Văn T, bà Ngô Thị L và anh Đỗ Xuân Q2 vay của ông Nguyễn Xuân Q số tiền 130.000.000 đồng vào ngày 07/3/2014 tức ngày 07/02/2014 (âm lịch), lãi suất 1,2%/tháng. Ông T, bà L và anh Q2 cũng ký tên vào giấy vay tiền, ông T ký tên Đỗ Xuân T1. Mặc dù trong giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay nhưng quá

trình giải quyết vụ án ông Q, ông T1 và bà L đều thừa nhận thời hạn vay 03 năm nên có căn cứ xác định thời hạn ông Q cho ông T1, bà L và anh Q2 vay tiền là 03 năm. Thời điểm viết giấy vay tiền (xác lập giao dịch) trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, có nội dung hình thức giao dịch phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Giấy vay tiền thể hiện đầy đủ nội dung của hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng vay, không có đảm bảo bằng tài sản, có kỳ hạn, có lãi, thể hiện sự tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị ép buộc, lừa dối và phù hợp với quy định tại Điều 688, Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện.

Về yêu cầu trả khoản tiền gốc: Ông Nguyễn Xuân Q, ông Đỗ Văn T, bà Ngô Thị L và anh Đỗ Mạnh Q1 đều xác nhận ông T, bà L và anh Q1 đã trả cho ông Q một phần số tiền gốc 30.000.000 đồng. Số còn lại đã nhiều lần ông Q đòi nhưng ông T, bà L và anh Q1 không trả nên ông Q yêu cầu ông T, bà L và anh Q1 phải trả cho ông số tiền gốc còn lại, ông T, bà L và anh Q1 đều đồng ý nên chấp nhận yêu cầu của ông Q, buộc ông T, bà L và anh Q1 phải trả cho ông Q 100.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu khoản tiền lãi suất: Ông Q yêu cầu ông T, bà L và anh Q1 trả lãi suất 1,2%/tháng tình từ ngày 08/4/2022 (dương lịch) tức ngày 08/3/2022 (âm lịch) đến nay. Xét yêu cầu về lãi suất thấy ông Q yêu cầu trả lãi 1,2%/tháng, lãi suất này do các bên thỏa thuận và đã thực hiện từ khi cho vay đến ngày 08/4/2022, lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Q, buộc ông T, bà L và anh Q1 trả cho ông Q số tiền lãi 1,2%/tháng của số tiền gốc 100.000.000 đồng từ ngày 08/4/2022 đến nay (ngày 22/9/2023) là 17 tháng 14 ngày tương ứng số tiền lãi 20.960.000 đồng.

[3] Về án phí: Ông Đỗ Văn T, bà Ngô Thị L và anh Đỗ Mạnh Q1 là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bà L là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều147 Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 688, Điều

116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1.Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Q: Buộc ông Đỗ Văn T (Đỗ Xuân T1), bà Ngô Thị L và anh Đỗ Mạnh Q1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân Q số tiền gốc còn lại của khoản vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Lãi suất 1,2%/tháng tính từ ngày 08/4/2022 đến ngày 22/9/2023 là 17 tháng 14 ngày tương ứng số tiền lãi 20.960.000 đồng. Tổng cộng ông T1, bà L và anh Q1 phải trả cho ông Q là 120.960.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.Về án phí: Ông Đỗ Xuân T1 và anh Đỗ Mạnh Q1 mỗi người phải chịu 2.016.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giả ngạch.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Ngô Thị L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đỗ Văn T (Đỗ Xuân T1), bà Ngô Thị L và anh Đỗ Mạnh Q1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.